ĐIỀU KHOẢN, ĐIỀU KIỆN VỀ MỞ VÀ SỬ DỤNG TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN ÁP DỤNG CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN TẠI OCB

(Ban hành kèm theo Quyết định số 451.01/2026/QĐ-TGĐ ngày 09 /06/ 2026 của TGĐ)

TERMS AND CONDITIONS FOR OPENING AND USING TERM DEPOSITS APPLICABLE TO INDIVIDUAL CUSTOMERS AT OCB

(Issued together with Decision No. 451.01/2026/QĐ-TGĐ dated 09/06/2026 of the General Director)

Điều khoản, điều kiện mở và sử dụng Tiền gửi có kỳ hạn áp dụng cho khách hàng cá nhân tại OCB (gọi tắt là "Điều khoản, Điều kiện") này là toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) và Khách hàng trong quá trình mở và sử dụng tiền gửi có kỳ hạn tại OCB. Khách hàng được xem là đã chấp nhận và đồng ý với tất cả các nội dung trong Điều khoản, Điều kiện này khi ký tên trên các biểu mẫu hoặc xác nhận đồng ý trên các văn bản, thông điệp dữ liệu do OCB ban hành.

These Terms and Conditions for Opening and Using Term Deposits applicable to individual customers at OCB (hereinafter referred to as the "Terms and Conditions") set out all rights and obligations of Orient Commercial Joint Stock Bank (OCB) and the Customer in the course of opening and using term deposits at OCB. The Customer shall be deemed to have accepted and agreed to all provisions of these Terms and Conditions upon signing any forms or confirming agreement to documents or data messages issued by OCB.

ĐIỀU 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ CÁC TỪ VIẾT TẮT / ARTICLE 1. DEFINITIONS AND ABBREVIATIONS

1. **"OCB" hoặc "Ngân hàng"** là Ngân hàng TMCP Phương Đông/ "OCB" or the "Bank" means Orient Commercial Joint Stock Bank.
2. **"Tiền gửi có kỳ hạn" hoặc "TGCKH"** là khoản tiền của KH gửi tại OCB trong một thời hạn nhất định theo thỏa thuận giữa KH và OCB với nguyên tắc hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi cho KH/ Term Deposit" means a sum of money deposited by the Customer with OCB for a specified period as agreed between the Customer and OCB, under the principle that the principal and interest shall be fully repaid to the Customer.
3. **"Tiền gửi chung có kỳ hạn"** là tiền gửi có kỳ hạn của từ hai KH trở lên/"Joint Term Deposit" means a term deposit jointly owned by two or more Customers..
4. **"Giấy tờ xác minh thông tin của cá nhân là công dân Việt Nam"** là Giấy tờ tùy thân còn hiệu lực theo quy định của pháp luật bao gồm Thẻ căn cước công dân, thẻ căn cước,căn cước điện tử hoặc giấy khai sinh đối với người dưới 14 tuổi chưa có thẻ căn cước (hoặc giấy tờ xác minh khác theo quy định pháp luật từng thời kỳ)/ "Identification Documents of Vietnamese Citizens" means valid identification documents as prescribed by law, including Citizen Identity Cards, Identity Cards, Electronic Identity Cards, or Birth Certificates for persons under 14 years old who have not yet been issued an Identity Card (or other identification documents as prescribed by applicable laws from time to time).

5. **"Giấy tờ xác minh thông tin của cá nhân nước ngoài là người cư trú hoặc người không cư trú"** là thị thực hoặc các giấy tờ khác xác định thời hạn được phép cư trú của cá nhân tại Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp còn thời hạn hiệu lực/ "Identification Documents of Foreign Individuals (Residents or Non-Residents)" means visas or other valid documents issued by competent Vietnamese authorities specifying the permitted duration of stay in Vietnam.
6. **"Người gửi tiền" hay "Khách hàng"** theo quy định này được hiểu là cá nhân người cư trú hoặc người không cư trú. Người gửi tiền có thể là chủ sở hữu tiền gửi có kỳ hạn, các chủ sở hữu tiền gửi chung có kỳ hạn/ "Depositor" or "Customer" means an individual resident or non-resident. A Depositor may be the owner of a term deposit or one of the owners of a joint term deposit.
7. **"Chủ sở hữu tiền gửi có kỳ hạn"** là người đứng tên trên thỏa thuận tiền gửi có kỳ hạn/ hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn/"Term Deposit Owner" means the person named in the Term Deposit Agreement/Contract.
8. **"Giao dịch tiền gửi có kỳ hạn"** bao gồm giao dịch nhận, gửi tiền gửi có kỳ hạn; chi trả, rút tiền gửi có kỳ hạn; sử dụng tiền gửi có kỳ hạn làm tài sản bảo đảm; chuyển giao quyền sở hữu tiền gửi có kỳ hạn và các giao dịch khác theo quy định của pháp luật/ "Term Deposit Transactions" include accepting and placing term deposits; payment and withdrawal of term deposits; use of term deposits as collateral; transfer of ownership of term deposits; and other transactions as prescribed by law.
9. **"Tài khoản tiền gửi có kỳ hạn"** là tài khoản được sử dụng để thực hiện giao dịch liên quan đến tiền gửi có kỳ hạn theo quy định tại quy định này/"Term Deposit Account" means an account used to conduct transactions related to term deposits in accordance with these provisions.
10. **"Thỏa thuận tiền gửi có kỳ hạn/ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (sau đây gọi chung là Hợp đồng tiền gửi hay HĐTG)"** là văn bản thỏa thuận giữa KH và OCB liên quan đến việc gửi tiền có kỳ hạn/"Term Deposit Agreement/Term Deposit Contract" (hereinafter collectively referred to as the "Deposit Contract") means the agreement between the Customer and OCB regarding a term deposit.
11. **"Thời hạn gửi tiền"** là khoảng thời gian kể từ ngày liền kề sau Ngày gửi tiền đến (không bao gồm) Ngày đến hạn/"Deposit Term" means the period commencing from the day immediately following the Deposit Date up to, but excluding, the Maturity Date.
12. **"Ngày làm việc"** là bất kỳ ngày nào (ngoại trừ Chủ Nhật, các ngày nghỉ Lễ/Tết, nghỉ bù theo quy định của pháp luật hoặc OCB) mà các Phòng giao dịch/Chi nhánh của OCB mở cửa làm việc tại Việt Nam/ "Business Day" means any day (excluding Sundays, public holidays, substitute holidays as prescribed by law or OCB) on which OCB's branches and transaction offices are open for business in Vietnam.
13. **"Ngày gửi tiền"**: là ngày KH gửi tiền tại OCB theo (các) HĐTG giữa OCB và KH/"Deposit Date" means the date on which the Customer places funds with OCB under the Deposit Contract..
14. **"Ngày đến hạn"**: là ngày OCB cam kết trả hết tiền gốc và lãi tiền gửi có kỳ hạn theo (các) HĐTG giữa OCB và KH/ "Maturity Date" means the date on which OCB undertakes to repay

the full principal and interest of the term deposit under the Deposit Contract.

ĐIỀU 2. PHÂN LOẠI ĐỐI TƯỢNG GỬI TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN TẠI OCB/ ARTICLE 2. ELIGIBLE CUSTOMERS FOR TERM DEPOSITS AT OCB

1. Đối tượng gửi tại quầy/ Eligible customers for over-the-counter deposits:

a. Người cư trú là cá nhân thuộc các đối tượng sau đây/ Resident individuals include:

i. Công dân Việt Nam cư trú tại Việt Nam; công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài có thời hạn dưới 12 tháng; công dân Việt Nam làm việc (i) tại văn phòng đại diện tại nước ngoài của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập, hoạt động tại Việt Nam theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng/tổ chức kinh tế không phải là tổ chức tín dụng được thành lập, hoạt động kinh doanh tại Việt Nam/cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, quỹ xã hội, quỹ từ thiện của Việt Nam hoạt động tại Việt Nam hoặc (ii) tại cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự, cơ quan đại diện tại tổ chức quốc tế của Việt Nam ở nước ngoài và cá nhân đi theo họ/ Vietnamese citizens residing in Vietnam; Vietnamese citizens residing abroad for a period of less than 12 months; Vietnamese citizens working (i) at overseas representative offices of credit institutions or foreign bank branches established and operating in Vietnam in accordance with the Law on Credit Institutions; or at economic organizations other than credit institutions established and operating in Vietnam; or at state agencies, armed forces units, political organizations, socio-political organizations, socio-political-professional organizations, social organizations, socio-professional organizations, social funds, and charitable funds of Vietnam operating in Vietnam; or (ii) at diplomatic missions, consular offices, or representative offices of Vietnam in international organizations abroad, as well as individuals accompanying them.

ii. Công dân Việt Nam đi du lịch, học tập, chữa bệnh và thăm viếng ở nước ngoài/ Vietnamese citizens travelling, studying, receiving medical treatment, or visiting abroad.

iii. Người nước ngoài (không có quốc tịch Việt Nam) được phép cư trú tại Việt Nam với thời gian từ 12 tháng trở lên. Đối với người nước ngoài học tập, chữa bệnh, du lịch hoặc làm việc cho cơ quan đại diện ngoại giao, lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam, văn phòng đại diện của các tổ chức nước ngoài tại Việt Nam không kể thời hạn là những trường hợp không thuộc đối tượng người cư trú/ Foreign nationals permitted to reside in Vietnam for 12 months or longer/ Foreign nationals (non-Vietnamese citizens) who are permitted to reside in Vietnam for a period of 12 months or more. However, foreign nationals who are studying, receiving medical treatment, traveling, or working for diplomatic missions, consular offices, or representative offices of international organizations in Vietnam, or representative offices of foreign organizations in Vietnam, regardless of their length of stay, shall not be considered residents.

b. Người không cư trú: Cá nhân nước ngoài được phép cư trú tại Việt Nam với thời hạn từ 6 (sáu) tháng trở lên/ Non-residents: Foreign individuals permitted to stay in Vietnam for six (06) months or longer.

c. Hai đối tượng quy định tại điểm a và b: Có TKTT VND/ ngoại tệ (loại tiền mở tiền gửi có kỳ hạn) đang hoạt động tại OCB/ The individuals specified in Points a and b must maintain an active VND and/or foreign currency current account at OCB.

2. Đối tượng gửi TGCKH qua phương tiện điện tử/ Eligible customers for electronic term deposits:

a. Cá nhân là người Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; hoặc/ Vietnamese individuals aged 18 years or older with full legal capacity; or

b. Cá nhân nước ngoài từ đủ 18 tuổi trở lên là người cư trú, cá nhân người nước ngoài từ đủ 18 tuổi trở lên được phép cư trú tại Việt Nam với thời hạn từ (6 sáu) tháng trở lên; và/ Foreign individuals aged 18 years or older who are residents or are permitted to stay in Vietnam for six (06) months or longer; and

c. Có TKTT VND/ ngoại tệ(loại tiền mở tiền gửi có kỳ hạn) đang hoạt động tại OCB và đã đăng ký dịch vụ OCB OMNI/ Must maintain an active VND and/or foreign currency current account at OCB and be registered for the OCB OMNI service.

ĐIỀU 3. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN TẠI OCB/ ARTICLE 3. GENERAL PROVISIONS ON TERM DEPOSITS AT OCB:

1. **Loại tiền gửi**: Đồng Việt Nam (VND) và ngoại tệ/ Type of deposit: Vietnamese Dong (VND) and foreign currencies.

2. **Số tiền gửi tối thiểu mở HĐTG có kỳ hạn/** Minimum deposit amount for opening a Term Deposit Contract.

   a. VND: 100.000 đồng.

   b. USD: 50 USD.

3. **Kỳ hạn**: theo quy định sản phẩm của OCB trong từng thời kỳ và được công khai đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN/ Deposit terms shall be determined in accordance with OCB's product regulations from time to time and publicly disclosed in compliance with regulations of the State Bank of Vietnam (SBV).

4. **Lãi suất:** lãi suất áp dụng theo biểu lãi suất do OCB ban hành từng thời kỳ, và được công bố đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN/ Interest rates shall be applied in accordance with OCB's interest rate schedule issued from time to time and publicly announced in compliance with SBV regulations.

5. **Hình thức lĩnh lãi:** theo quy định sản phẩm của OCB trong từng thời kỳ và được công khai đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN/ Interest payment methods shall be governed by OCB's product regulations from time to time and publicly disclosed in compliance with SBV regulations.

6. **Phương pháp tính lãi/** Interest Calculation Method:

   Công thức tính lãi/ Interest Calculation Formula:

$$\text{Tiền lãi} = \text{Số tiền} \times \frac{\text{Lãi suất (\%/năm)}}{365} \times \text{Số ngày thực gửi}$$

Interest = Principal × Interest Rate (% per annum) × Actual Number of Days / 365

Trong đó/ Where:

i. **Số tiền/** Principal Amount:**:**

- Trường hợp rút một phần tiền gửi trước hạn: là số tiền từng lần rút trước hạn; hoặc/ For partial early withdrawal: the amount withdrawn in each early withdrawal transaction; or
- Trường hợp tất toán trước hạn: là số tiền gửi tại thời điểm đề nghị tất toán trước hạn; hoặc/ For premature termination: the deposit balance at the time of the request for early termination; or
- Trường hợp tất toán đúng hạn: là số tiền gửi duy trì đến ngày đến hạn/ For maturity settlement: the deposit balance maintained until the maturity date.

ii. **Lãi suất/** Interest Rate**:**

- Trường hợp rút một phần tiền gửi/tất toán trước hạn: Áp dụng mức lãi suất tối đa bằng mức lãi suất tiền gửi không kỳ hạn thấp nhất của OCB theo theo đối tượng khách hàng và loại đồng tiền đã gửi tương ứng tại thời điểm Khách hàng rút trước hạn một phần tiền gửi hoặc tất toán trước hạn. Mức lãi suất áp dụng cụ thể trong trường hợp này được xác định theo thông báo của OCB trong từng thời kỳ và được niêm yết tại website http://www.ocb.com.vn. Đối với phần tiền gửi còn lại duy trì đến ngày đến hạn (trong trường hợp khách hàng rút trước hạn một phần tiền gửi), khách hàng được hưởng mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tiền gửi/ Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tiền gửi (nếu có)/ For partial early withdrawal or premature termination, the applicable interest rate shall not exceed OCB's lowest demand deposit interest rate applicable to the relevant customer category and currency at the time of withdrawal. The specific interest rate shall be determined according to OCB's announcements from time to time and published on OCB's website. The remaining deposit balance maintained until maturity (in the case of partial early withdrawal) shall continue to earn the interest rate agreed in the Deposit Contract or any amendment thereto (if any).
- Trường hợp tất toán đúng hạn: Áp dụng lãi suất đã thỏa thuận tại thời điểm gửi tiền đối với số tiền gửi duy trì đến ngày đến hạn/ For settlement at maturity, the agreed interest rate at the time of deposit shall apply to the amount maintained until the maturity date.

iii. **Số ngày thực gửi**: là số ngày gửi thực tế của Số tiền gửi trong suốt thời hạn tính lãi. Trong đó thời hạn tính lãi được quy định như sau/ Actual Number of Deposit Days : Means the actual number of days during which the deposit is maintained within the interest calculation period:

- Trường hợp rút một phần tiền gửi hoặc tất toán trước hạn: tính từ ngày gửi tiền đến hết ngày liền kề trước ngày rút một phần Tiền gửi hoặc tất toán trước hạn Tiền gửi/ For partial early withdrawal or premature termination: calculated from the deposit date up to and including the day immediately preceding the withdrawal or termination date.
- Trường hợp tất toán đúng hạn: tính từ ngày gửi tiền đến hết ngày liền kề trước ngày

đến hạn của khoản tiền gửi/ For maturity settlement: calculated from the deposit date up to and including the day immediately preceding the maturity date.

iv. **Thời điểm xác định số dư để tính lãi:** là cuối mỗi ngày trong thời hạn tính lãi đã được thỏa thuận giữa Khách hàng và OCB/ The balance used for interest calculation shall be determined at the end of each day during the agreed interest calculation period between the Customer and OCB.

ĐIỀU 4. NGUYÊN TẮC CHI TRẢ GỐC LÃI/ ARTICLE 4. PRINCIPLES FOR PAYMENT OF PRINCIPAL AND INTEREST

1. Tiền gốc/lãi được trả vào Ngày đến hạn HĐTG. Trường hợp Ngày đến hạn HĐTG rơi vào ngày không phải Ngày làm việc thì Ngày đến hạn HĐTG là Ngày làm việc tiếp theo liền kề sau ngày đó/ Principal and interest shall be paid on the Maturity Date of the Deposit Contract. If the Maturity Date falls on a non-Business Day, payment shall be made on the next Business Day immediately following such date.
2. Tiền gốc/lãi được trả vào tài khoản thanh toán của chính khách hàng tại OCB. Đối với tiền gửi chung có kỳ hạn, việc nhận chi trả tiền gửi có kỳ hạn thông qua tài khoản thanh toán chung của tất cả các chủ sở hữu tiền gửi chung có kỳ hạn/ Principal and interest shall be credited to the Customer's own current account maintained at OCB. For joint term deposits, payment shall be made through the joint current account of all co-owners.
3. Đồng tiền chi trả gốc, lãi tiền gửi có kỳ hạn là đồng tiền mà KH đã gửi/ Principal and interest shall be paid in the same currency as the original deposit.
4. Trường hợp vào ngày đến hạn mà tài khoản thanh toán của khách hàng để nhận chi trả tiền gửi có kỳ hạn không còn tồn tại hoặc bị hạn chế hoặc không thể ghi có (tạm dừng giao dịch/ đóng...) mà khách hàng chưa cung cấp tài khoản thanh toán khác theo quy định của OCB để nhận chi trả tiền gửi, OCB được quyền tất toán Tài khoản tiền gửi có kỳ hạn và chuyển gốc và lãi vào tài khoản giữ hộ chờ thanh toán của OCB đồng thời số tiền này không được hưởng lãi suất/ If, on the maturity date, the designated current account no longer exists, is restricted, or cannot be credited (including suspension, closure, freezing, etc.), and the Customer has not provided another eligible account in accordance with OCB's regulations, OCB shall be entitled to close the term deposit account and transfer the principal and accrued interest to OCB's custodial suspense account pending payment. Such amount shall not accrue interest.

ĐIỀU 5. KÉO DÀI THỜI HẠN GỬI TIỀN/ ARTICLE 5. EXTENSION OF DEPOSIT TERM

1. Việc kéo dài thời hạn gửi tiền vào ngày đến hạn của khoản tiền gửi có kỳ hạn được thể hiện trên Hợp đồng tiền gửi hoặc Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tiền gửi (nếu có) ký giữa người đại diện hợp pháp của OCB và người gửi tiền/ Any extension of the deposit term on the maturity date shall be evidenced in the Deposit Contract or an amendment/supplement agreement executed between OCB's authorized representative and the Depositor.
2. Khi đến hạn thanh toán tiền gửi có kỳ hạn, OCB có thể nhập lãi vào vốn gốc và tái tục thêm một kỳ hạn mới theo thỏa thuận của OCB và người gửi tiền. Đối với cá nhân nước ngoài là người cư trú hoặc người không cư trú, thời hạn hiệu lực của giấy tờ xác minh thông tin cá nhân phải dài hơn thời hạn ở thỏa thuận kéo dài thời hạn gửi tiền. Trường hợp không đủ điều kiện để kéo dài thời hạn gửi tiền thì OCB chuyển gốc và lãi (nếu có) vào tài khoản thanh

toán của người gửi tiền vào ngày đến hạn của khoản tiền gửi có kỳ hạn/ Upon maturity, OCB may capitalize accrued interest into the principal and automatically renew the deposit for a new term in accordance with the agreement between OCB and the Depositor. For foreign individuals, whether residents or non-residents, the validity period of their identification documents must exceed the extended deposit term. If the conditions for extension are not met, OCB shall transfer the principal and accrued interest (if any) to the Depositor's current account on the maturity date.

ĐIỀU 6. QUY ĐỊNH VỀ RÚT TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN TRƯỚC HẠN/ ARTICLE 6. EARLY WITHDRAWAL OF TERM DEPOSITS

1. Khách hàng được rút trước hạn toàn bộ hoặc một phần tiền gửi có kỳ hạn, người gửi tiền có nhu cầu rút tiền gửi có kỳ hạn trước hạn phải thông báo trước cho OCB theo thời hạn tối thiểu được quy định tại Hợp đồng tiền gửi/ Customers may withdraw all or part of their term deposits prior to maturity. Any request for early withdrawal must be notified to OCB at least within the minimum notice period specified in the Deposit Contract.

2. Đối với trường hợp có nhu cầu rút trước hạn một phần/ toàn bộ tiền gửi có kỳ hạn, KH đươc hưởng mức lãi suất tối đa bằng mức lãi suất tiền gửi không kỳ hạn thấp nhất theo quy định của OCB áp dụng đối với đối tượng khách hàng và loại đồng tiền đã gửi tương ứng tại thời điểm rút tiền. Mức lãi suất áp dụng cụ thể trong trường hợp này được xác định theo thông báo của OCB trong từng thời kỳ. Tiền lãi sẽ được trả cùng số tiền gốc rút trước hạn tại thời điểm rút. Đối với phần tiền gửi còn lại duy trì đến ngày đến hạn, KH được hưởng mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tiền gửi hoặc Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tiền gửi (nếu có)/ For partial or full early withdrawal, the Customer shall be entitled to an interest rate not exceeding OCB's lowest demand deposit interest rate applicable to the relevant customer category and deposited currency at the time of withdrawal. The specific rate shall be determined in accordance with OCB's prevailing announcements. Interest shall be paid together with the principal amount withdrawn early. Any remaining balance maintained until maturity shall continue to earn the agreed contractual interest rate.

3. Đối với rút trước hạn một phần tiền gửi: Chỉ áp dụng loại tiền Việt Nam đồng. Không giới hạn số lần và số tiền mỗi lần rút nhưng KH phải duy trì số dư gốc của khoản tiền gửi có kỳ hạn tối thiểu là 100.000 đồng/ Partial early withdrawal is only available for deposits in Vietnamese Dong. There is no limit on the number of withdrawals or withdrawal amount; however, the Customer must maintain a minimum principal balance of VND 100,000 in the term deposit.

4. Phí rút tiền gửi có kỳ hạn trước hạn được thu theo quy định của OCB/ Fees for early withdrawal of term deposits shall be charged in accordance with OCB's regulations from time to time.

ĐIỀU 7. SỬ DỤNG TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN LÀM TÀI SẢN BẢO ĐẢM / ARTICLE 7. USE OF TERM DEPOSITS AS COLLATERAL

1. Tiền gửi theo Hợp đồng tiền gửi giữa OCB và KH được sử dụng làm tài sản bảo đảm theo các quy định pháp luật hiện hành/ Deposits maintained under the Deposit Agreement between OCB and the Customer may be used as collateral in accordance with applicable laws and regulations.

2. Khi sử dụng tiền gửi theo Hợp đồng tiền gửi làm tài sản bảo đảm tại OCB, chủ sở hữu tiền gửi có kỳ hạn hoặc chủ sở hữu tiền gửi chung có kỳ hạn (bên bảo đảm) đồng ý rằng trường

hợp đến hạn trả nợ mà bên được bảo đảm không trả được nợ thì OCB có quyền xử lý số tiền gửi có kỳ hạn của bên bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật/ When a deposit under a Deposit Agreement is used as collateral at OCB, the owner of the term deposit or the joint owners of the term deposit (the secured party) agree that if the secured obligor fails to repay the debt when due, OCB shall have the right to enforce and apply the secured term deposit to recover the outstanding debt in accordance with applicable laws.

ĐIỀU 8. BIỆN PHÁP TRA CỨU KHOẢN TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN VÀ BIỆN PHÁP THÔNG BÁO KHI CÓ THAY ĐỔI ĐỐI VỚI TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN/ ARTICLE 8. METHODS FOR INQUIRY OF TERM DEPOSITS AND NOTIFICATION OF CHANGES

Người gửi tiền thực hiện tra cứu khoản tiền gửi có kỳ hạn và nhận thông tin thay đổi của khoản tiền gửi có kỳ hạn thông qua các biện pháp tra cứu do OCB cung cấp/ Depositors may inquire about their term deposits and receive information regarding any changes thereto through the inquiry channels provided by OCB.

1. Tin nhắn điện thoại: thông qua việc đăng ký SMS cho từng Hợp đồng tiền gửi/ SMS notifications: by registering SMS services for each Deposit Agreement.
2. Trang thông tin điện tử: thông qua website chính thức của OCB / Electronic information portal: via OCB's official website.
3. Các điểm giao dịch của OCB trên toàn quốc/ OCB transaction offices and branches nationwide.
4. Gọi điện tới tổng đài Trung tâm Dịch vụ KH 24/7 (Hotline 19001846) của OCB/ By contacting OCB's 24/7 Customer Service Center Hotline (19001846).

ĐIỀU 9. SỞ HỮU VÀ CHUYỂN GIAO QUYỀN SỞ HỮU/ ARTICLE 9. OWNERSHIP AND TRANSFER OF OWNERSHIP

1. Việc chuyển giao quyền sở hữu tiền gửi có kỳ hạn và tất toán Hợp đồng tiền gửi đã được chuyển giao quyền sở hữu được thực hiện ở tất cả các Đơn vị kinh doanh của OCB/ The transfer of ownership of term deposits and the settlement of Deposit Agreements whose ownership has been transferred may be carried out at all OCB business units.
2. KH có thể thực hiện chuyển giao quyền sở hữu tiền gửi có kỳ hạn theo các hình thức: (i) tại quầy giao dịch của OCB; hoặc (ii) thông qua phương tiện/ nền tảng điện tử của OCB theo quy định từng thời kỳ; hoặc (iii) hình thức khác phù hợp quy định pháp luật và quy định của OCB/ Customers may transfer ownership of a term deposit through: (i) OCB transaction counters; (ii) OCB's electronic channels/platforms in accordance with OCB's regulations from time to time; or (iii) any other method permitted by applicable laws and OCB's regulations.
3. KH cam kết về việc tự nguyện, tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong chuyển giao quyền sở hữu TGCKH của mình/ The Customer represents and warrants that any transfer of ownership of his/her term deposit is made voluntarily, independently, and at the Customer's own responsibility.
4. KH cam kết có đầy đủ quyền, thẩm quyền theo quy định pháp luật để chuyển giao quyền sở hữu TGCKH cho Bên nhận chuyển giao quyền sở hữu TGCKH/ The Customer warrants that he/she has full legal rights and authority to transfer ownership of the term deposit to the transferee.

5. KH và Bên nhận chuyển giao quyền sở hữu TGCKH xác nhận đã được cung cấp, đã đọc và đồng ý với toàn bộ nội dung Thông báo/ Điều kiện điều khoản về xử lý dữ liệu cá nhân do OCB công bố tại website chính thức của OCB (https://www.ocb.com.vn)/ The Customer and the transferee confirm that they have been provided with, have read, and agree to the entire contents of OCB's Notice/Terms and Conditions on Personal Data Processing published on OCB's official website.
6. Phí làm thủ tục chuyển giao quyền sở hữu được thu theo quy định của OCB trong từng thời kỳ/ Fees for processing ownership transfer transactions shall be charged in accordance with OCB's regulations in effect from time to time.

ĐIỀU 10.ỦY QUYỀN/ ARTICLE 10. AUTHORIZATION

1. KH là cá nhân có thể ủy quyền cho cá nhân khác thay mặt mình đến OCB để thực hiện các giao dịch liên quan đến TGCKH. Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản và tuân thủ đúng quy định của OCB và pháp luật trong từng thời kỳ/ An individual Customer may authorize another individual to act on his/her behalf in conducting transactions relating to term deposits at OCB. Such authorization must be made in writing and comply with OCB's regulations and applicable laws from time to time.
2. KH là cá nhân nước ngoài là người cư trú hoặc người không cư trú khi ủy quyền cho cá nhân khác thay mặt mình đến OCB để thực hiện các giao dịch liên quan đến TGCKH thì thời hạn ủy quyền không được vượt quá thời hạn hiệu lực của giấy tờ xác minh thông tin cá nhân của KH và người được ủy quyền (trường hợp người được ủy quyền cũng là người nước ngoài)/ Where a Customer is a foreign individual, whether resident or non-resident, and authorizes another person to conduct term deposit transactions on his/her behalf at OCB, the authorization period must not exceed the validity period of the Customer's identification documents and, where applicable, those of the authorized representative if such representative is also a foreign individual.

ĐIỀU 11. RÚT TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN THEO THỪA KẾ/ ARTICLE 11. WITHDRAWAL OF TERM DEPOSITS THROUGH INHERITANCE

Người thừa kế hợp pháp cung cấp hồ sơ nhận thừa kế tại ĐVKD phát hành Hợp đồng tiền gửi để thực hiện các giao dịch liên quan đến Hợp đồng tiền gửi theo hướng dẫn của ĐVKD phù hợp quy định của OCB và pháp luật trong từng thời kỳ/ A lawful heir shall submit inheritance documents to the OCB business unit that issued the Deposit Agreement in order to carry out transactions relating to the Deposit Agreement in accordance with the instructions of such business unit and the regulations of OCB and applicable laws from time to time.

ĐIỀU 12.XỬ LÝ CÁC TRƯỜNG HỢP HỢP ĐỒNG TIỀN GỬI BỊ NHÀU NÁT, RÁCH, MẤT/ ARTICLE 12. HANDLING OF DAMAGED, TORN, OR LOST DEPOSIT AGREEMENTS

1. Nếu Hợp đồng tiền gửi bị nhàu nát, rách, mất KH phải làm thủ tục báo mất HĐTG tại bất kỳ đơn vị nào trong hệ thống. Trường hợp mất tiền gửi chung có kỳ hạn thì người làm thủ tục báo mất có thể là một trong các chủ sở hữu tiền gửi chung/ In the event that a Deposit Agreement is damaged, torn, or lost, the Customer must complete a loss-report procedure at any OCB unit within the system. For a lost joint term deposit, the loss report may be submitted by any one of the joint owners.
2. OCB không tiến hành cấp lại Hợp đồng tiền gửi mới. Hồ sơ báo mất thực hiện theo hướng

dẫn của OCB trong từng thời kỳ/ OCB shall not reissue a new Deposit Agreement. The loss-report dossier shall be prepared in accordance with OCB's procedures in effect from time to time.

3. Việc thanh toán Hợp đồng tiền gửi báo mất này chỉ được thực hiện tại đơn vị phát hành Hợp đồng tiền gửi/ Settlement of a Deposit Agreement reported as lost may only be carried out at the business unit that originally issued such Deposit Agreement.

ĐIỀU 13. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA KHÁCH HÀNG/ ARTICLE 13. RIGHTS AND OBLIGATIONS OF THE CUSTOMER

1. Khách hàng được thanh toán đầy đủ tiền gốc và lãi của Hợp đồng tiền gửi theo thỏa thuận với OCB/ The Customer is entitled to receive full payment of principal and interest under the Deposit Agreement in accordance with the agreement made with OCB.
2. Khách hàng được sử dụng Hợp đồng tiền gửi làm tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật/ The Customer may use the Deposit Agreement as collateral in accordance with applicable laws.
3. Khách hàng có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ và chính xác các thông tin cần thiết theo yêu cầu của OCB khi thực hiện các giao dịch liên quan đến Hợp Đồng Tiền Gửi/ The Customer is obligated to provide complete and accurate information as required by OCB when conducting transactions related to the Deposit Agreement.
4. Cam kết rằng tiền gửi có kỳ hạn này có nguồn gốc hợp pháp, chịu trách nhiệm về tính hợp pháp và các vấn đề liên quan khác đến nguồn gốc tiền gửi. Chịu trách nhiệm giải quyết tất cả các vấn đề tranh chấp, khiếu kiện, khiếu nại liên quan đến tiền gửi có kỳ hạn tại OCB/ The Customer represents and warrants that the term deposit originates from lawful sources and shall be responsible for the legality of the funds and all matters relating to the source of the deposit. The Customer shall also be responsible for resolving any disputes, claims, complaints, or litigation relating to the term deposit maintained at OCB.
5. Thông báo kịp thời cho OCB khi phát hiện bị mất Hợp đồng tiền gửi để tránh bị lợi dụng làm tổn thất tài sản. Chịu trách nhiệm về những thiệt hại do không khai báo kịp thời việc mất Hợp đồng tiền gửi với OCB/ The Customer must promptly notify OCB upon discovering the loss of a Deposit Agreement in order to prevent misuse and potential financial loss. The Customer shall be responsible for any damages resulting from failure to timely report such loss to OCB.
6. KH đồng ý rằng các thông tin của KH (bao gồm thông tin định danh, thông tin của các cá nhân là người đại diện, người liên quan, thông tin về tài khoản, tiền gửi và giao dịch) sẽ được OCB thu thập, sử dụng và bảo mật theo quy định pháp luật và quy định tại Điều khoản và Điều kiện Mở và Sử dụng Tài khoản và Điều khoản Chung về Bảo vệ và Xử lý Dữ liệu Cá nhân được niêm yết tại quầy giao dịch và website https://www.ocb.com.vn/ The Customer agrees that his/her information (including identification information, information of representatives and related persons, account information, deposit information, and transaction information) may be collected, used, and protected by OCB in accordance with applicable laws and the Terms and Conditions for Account Opening and Use and the General Terms on Personal Data Protection and Processing published at OCB transaction counters and on OCB's website.

7. Công nhận và đồng ý các thông tin, số liệu, dữ liệu, thông báo liên quan đến giao dịch chuyển giao quyền sở hữu tiền gửi có kỳ hạn trên phương tiện/ nền tảng điện tử của OCB là tài liệu, dữ liệu có giá trị pháp lý cao nhất và là chứng cứ để giải quyết các vấn đề liên quan quyền, nghĩa vụ của các bên/ The Customer acknowledges and agrees that all information, records, data, and notices relating to ownership-transfer transactions of term deposits conducted through OCB's electronic channels/platforms shall constitute legally valid documents and evidence for resolving matters concerning the rights and obligations of the parties.
8. Các bên tham gia giao dịch đối với tiền gửi có kỳ hạn nêu tại Điều khoản, Điều kiện này chịu trách nhiệm đối với những sai sót, hành vi lợi dụng, lừa đảo không do lỗi của OCB/ Parties involved in transactions relating to term deposits under these Terms and Conditions shall be responsible for any errors, misuse, or fraudulent acts that are not attributable to OCB.
9. Theo dõi, cập nhật Điều khoản, điều kiện trên website và/hoặc phương tiện điện tử trong suốt thời gian gửi tiền tại OCB. Những nội dung sửa đổi, thay thế Điều khoản Điều kiện có hiệu lực vào ngày được xác định tại thông báo về việc sửa đổi, thay thế. Việc KH tiếp tục giao dịch kể từ thời điểm các nội dung sửa đổi, thay thế Điều khoản Điều kiện có hiệu lực, được hiểu là KH chấp thuận toàn bộ và có trách nhiệm thực hiện theo các nội dung sửa đổi, thay thế đó/ The Customer shall monitor and update himself/herself on these Terms and Conditions via OCB's website and/or electronic channels throughout the deposit period. Any amendments or replacements shall take effect on the date specified in OCB's notice. Continued use of OCB's services after such amendments become effective shall constitute the Customer's acceptance of, and agreement to comply with, such amendments.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo văn bản thỏa thuận giữa OCB và khách hàng và quy định của pháp luật/ Other rights and obligations as stipulated in agreements between OCB and the Customer and under applicable laws.

ĐIỀU 14. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA OCB/ ARTICLE 14. RIGHTS AND OBLIGATIONS OF OCB

1. Thanh toán tiền gốc, lãi Tiền gửi có kỳ hạn đúng hạn và đầy đủ/ To pay the principal and interest of term deposits in full and on time.
2. Công bố công khai lãi suất Tiền gửi có kỳ hạn, phương thức trả lãi, mức thu phí đối với các khoản Tiền gửi có kỳ hạn rút trước hạn (nếu có) và mức thu phí đối với các dịch vụ liên quan đến Tiền gửi có kỳ hạn tại các địa điểm nhận, chi trả Tiền gửi có kỳ hạn/ To publicly disclose term deposit interest rates, interest payment methods, fees applicable to early withdrawal of term deposits (if any), and fees for services related to term deposits at locations where term deposits are accepted and paid.
3. Được quyền từ chối việc chi trả tiền gửi có kỳ hạn đối với HĐTG đã bị lợi dụng nhưng không phải do lỗi của OCB/ To refuse payment of a term deposit where the relevant Deposit Agreement has been misused through no fault of OCB.
4. Được quyền từ chối việc nhận và chi trả tiền gửi có kỳ hạn nếu KH không thực hiện theo đúng các quy định tại quy định này và các thỏa thuận đã cam kết với OCB/ To refuse acceptance or payment of a term deposit if the Customer fails to comply with these provisions or any agreements entered into with OCB.

5. Giữ bí mật thông tin người gửi tiền, bao gồm các thông tin xác minh nhân thân và thông tin số dư tiền gửi của chủ sở hữu Tiền gửi có kỳ hạn theo quy định của pháp luật và đảm bảo an toàn tiền gửi cho chủ sở hữu Tiền gửi có kỳ hạn/ To maintain the confidentiality of depositor information, including identity verification information and deposit balance information of the owner of the term deposit, in accordance with applicable laws, and to ensure the safety of the deposited funds.
6. Các quyền và nghĩa vụ khác theo văn bản thỏa thuận giữa OCB và khách hàng và quy định của pháp luật/ Other rights and obligations as provided in agreements between OCB and the Customer and under applicable laws.

ĐIỀU 15. THÔNG BÁO / ARTICLE 15. NOTICES

1. Tất cả các thông báo của OCB sẽ được OCB gửi cho KH theo thông tin liên lạc cuối cùng mà KH đăng ký tại OCB hoặc công bố trên website chính thức của OCB hoặc theo các hình thức khác mà OCB cho là phù hợp. Tất cả các thông báo sẽ xem như KH đã nhận được/ All notices issued by OCB shall be sent to the Customer using the latest contact information registered with OCB, or published on OCB's official website, or through any other methods deemed appropriate by OCB. All notices shall be deemed received by the Customer as follows:

- Trong vòng ba (03) ngày tính từ ngày gửi đi (theo dấu bưu điện đi), nếu gửi bằng thư; hoặc/ Within three (03) days from the date of dispatch (based on postal stamp), if sent by post; or
- Vào ngày OCB gửi nếu thông qua hình thức tin nhắn SMS/Email (Trường hợp thông báo gửi sau 17:00 của ngày làm việc thì thông báo được xem là được nhận vào ngày làm việc tiếp theo); hoặc/ On the date OCB sends the notice if delivered via SMS/Email (where notices sent after 5:00 p.m. on a Business Day shall be deemed received on the next Business Day); or
- Vào ngày công bố trên website chính thức của OCB; hoặc/ On the date of publication on OCB's official website; or
- Vào ngày OCB thực hiện thông báo công khai theo hình thức khác/ On the date OCB issues a public announcement by any other method.

2. Khi có sự thay đổi về các thông tin Khách hàng đã đăng ký với OCB, Khách hàng phải đến các địa điểm giao dịch của OCB để thực hiện thủ tục đề nghị thay đổi thông tin/ When there is any change to the Customer's registered information with OCB, the Customer must visit an OCB transaction location to complete the procedure for requesting such changes.

   Trường hợp khách hàng thay đổi địa chỉ hoặc thông tin liên lạc nhưng không thông báo cho OCB, thì mọi thông báo, tài liệu hoặc văn bản do OCB gửi đến địa chỉ hoặc thông tin liên hệ đã đăng ký trước đó vẫn được xem là đã gửi và nhận hợp lệ/ If the Customer changes his/her address or contact information without notifying OCB, all notices, documents, or correspondence sent by OCB to the previously registered address or contact details shall nevertheless be deemed validly sent and duly received.

ĐIỀU 16. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ HIỆU LỰC/ ARTICLE 16. GOVERNING LAW AND EFFECTIVENESS

1. Điều khoản, Điều kiện này được điều chỉnh bởi pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam/ These Terms and Conditions are governed by the laws of the Socialist Republic of Vietnam.

2. KH xác nhận đã đọc, hiểu rõ và cam kết đúng các điều khoản, điều kiện quy định tại Điều khoản, Điều kiện này/ The Customer confirms that he/she has read, fully understood, and duly agrees to all terms and conditions set out herein.
3. KH đồng ý OCB được thay đổi, sửa đổi, điều chỉnh Điều khoản, Điều kiện này. Các thay đổi, sửa đổi, điều chỉnh sẽ được OCB thông báo trên website và/hoặc phương tiện điện tử. Những thay đổi, sửa đổi, điều chỉnh có hiệu lực vào ngày được xác định trong thông báo. Các bên xác nhận có trách nhiệm tuân theo các sửa đổi, bổ sung đó. Trường hợp KH không đồng ý với các nội dung thay đổi, sửa đổi, điều chỉnh Điều khoản, Điều kiện này trước khi nội dung thay đổi, sửa đổi, điều chỉnh Điều khoản, Điều kiện này có hiệu lực thì KH có quyền lựa chọn chấm dứt thực hiện HĐTG (khi đó, các quy định về rút tiền gửi trước hạn sẽ được áp dụng)/ The Customer agrees that OCB may amend, revise, or modify these Terms and Conditions. Any changes shall be announced on OCB's website and/or electronic channels. Such amendments shall take effect on the date specified in the relevant notice. The parties agree to comply with all such amendments and supplements. If the Customer does not agree with any amendment before it takes effect, the Customer has the right to terminate the Deposit Agreement, in which case the provisions on early withdrawal of deposits shall apply.
4. Bản Điều khoản, Điều kiện này được công bố công khai trên website chính thức của OCB (https://www.ocb.com.vn) và niêm yết tại các điểm giao dịch của OCB trên toàn quốc/ TheseTerms and Conditions are publicly disclosed on OCB's official website (https://www.ocb.com.vn) and displayed at all OCB transaction locations nationwide.

NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG

ORIENT COMMERCIAL JOINT STOCK BANK (OCB)